

Số: 36/2017/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 23 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức phụ cấp, khoán số lượng, định mức kinh phí chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐT BXH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, kỳ họp thứ 5 về việc quy định mức phụ cấp, khoán số lượng, định mức kinh phí chi phụ cấp đối với người hoạt động

không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức phụ cấp, khoán số lượng, định mức kinh phí chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

1. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Chức danh:

- Đối với xã, thị trấn loại 1, loại 2 có 21 chức danh theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này; xã, thị trấn loại 3 bố trí như xã, thị trấn loại 1, loại 2 nhưng không bố trí chức danh Phó Trưởng ban Thú y;

- Đối với phường, có 20 chức danh theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

b) Số lượng:

- Đối với xã, thị trấn, bố trí tối đa không quá 13 người đảm nhiệm 21 chức danh theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này;

- Đối với phường, bố trí tối đa không quá 12 người đảm nhiệm 20 chức danh theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này; phường loại 1 được bố trí thêm 01 chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự; phường có trên 10 tổ dân phố được bố trí thêm 01 chức danh Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố; phường không có tổ chức Hội Nông dân không bố trí chức danh Phó Chủ tịch Hội Nông dân.

c) Các chức danh kiêm nhiệm theo Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư

a) Chức danh: theo Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

b) Số lượng:

Mỗi thôn, khu dân cư bố trí tối đa không quá 04 người để đảm nhiệm 07 chức danh; thôn có trên 500 hộ gia đình và khu dân cư có trên 600 hộ gia đình bố trí thêm 01 Phó trưởng thôn, khu dân cư.

c) Các chức danh kiêm nhiệm theo Phụ lục V kèm theo Quyết định này.

3. Quy định về mức phụ cấp, mức khoán định mức kinh phí chi phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; thôn, khu dân cư

a) Mức phụ cấp tính theo hệ số của mức lương cơ sở; mức cụ thể theo Phụ lục VI kèm theo Quyết định này.

b) Khoản kinh phí đối với cấp xã theo mức lương cơ sở (bao gồm 3% bảo hiểm y tế): hệ số 15,05 đối với xã, thị trấn loại 1, loại 2; hệ số 14,60 đối với xã, thị trấn loại 3; hệ số 13,30 đối với phường loại 1; hệ số 12,10 đối với phường loại 2, loại 3.

c) Khoản kinh phí đối với thôn, khu dân cư theo mức lương cơ sở (bao gồm 3% bảo hiểm y tế):

- Kinh phí khoản đối với thôn dưới 1.000 dân: thôn có 01 Phó Trưởng thôn, hệ số là 4,17; thôn có 02 Phó Trưởng thôn, hệ số là 4,80;

- Kinh phí khoản đối với thôn từ 1.000 đến dưới 2.500 dân: thôn có 01 Phó Trưởng thôn, hệ số là 4,37; thôn có 02 Phó Trưởng thôn, hệ số là 4,98;

- Kinh phí khoản đối với thôn từ 2.500 đến 4.000 dân và có 02 Phó Trưởng thôn, hệ số là 5,15;

- Kinh phí khoản đối với thôn có trên 4.000 dân và có 02 Phó Trưởng thôn, hệ số là 5,33;

- Kinh phí khoản đối với khu dân cư dưới 1.000 dân: khu dân cư có 01 Phó Trưởng khu dân cư, hệ số là 3,80; khu dân cư có 02 Phó Trưởng khu dân cư, hệ số là 4,53;

- Kinh phí khoản đối với khu dân cư từ 1.000 đến dưới 2.500 dân: khu dân cư có 01 Phó Trưởng khu dân cư, hệ số là 3,95; khu dân cư có 02 Phó Trưởng khu dân cư, hệ số là 4,68;

- Kinh phí khoản đối với khu dân cư từ 2.500 đến 4.000 dân và có 02 Phó Trưởng khu, hệ số là 4,83;

- Kinh phí khoản đối với khu dân cư có trên 4.000 dân và có 02 Phó Trưởng khu, hệ số là 4,98.

d) Phụ cấp kiêm nhiệm

- Cán bộ, công chức kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, khu dân cư được hưởng 30% mức phụ cấp của các chức danh kiêm nhiệm nhưng không thấp hơn 0,2 mức lương cơ sở;

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, khu dân cư kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách được hưởng 50% mức phụ cấp của các chức danh kiêm nhiệm;

- Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh được hưởng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê chuẩn, bổ nhiệm thêm chức danh khác hoặc quyết định việc kiêm nhiệm chức danh và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;

- Giao quyền chủ động sử dụng kinh phí khoán cho cấp xã đảm bảo chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, khu dân cư.

4. Khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; thôn, khu dân cư

a) Đối với cấp xã: Cấp xã loại 1 là 10 triệu đồng/tổ chức/năm; cấp xã loại 2 là 9 triệu đồng/tổ chức/năm; cấp xã loại 3 là 8 triệu đồng/tổ chức/năm.

b) Đối với thôn, khu dân cư: Chi hội thuộc thôn, khu dân cư dưới 1.000 dân là 2,5 triệu đồng/tổ chức/năm; từ 1.000 đến dưới 2.500 dân là 3 triệu đồng/tổ chức/năm; từ 2.500 đến 4.000 dân là 3,5 triệu đồng/tổ chức/năm; trên 4.000 dân là 4 triệu đồng/tổ chức/năm;

(Trong đó: 60% phụ cấp của chi hội trưởng và 40% chi cho hoạt động).

5. Chế độ chính sách

a) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, khu dân cư nghỉ do sắp xếp, tinh giản theo Quyết định này được hưởng 03 tháng mức phụ cấp hiện hưởng và được hỗ trợ đóng tiền bảo hiểm y tế theo quy định cho đến ngày 31/12 của năm mà đối tượng thôi tham gia công tác. Trường hợp tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, được thực hiện chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

b) Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư đang công tác nếu từ trần thì người lo mai táng được hưởng chế độ mai táng phí 3.000.000 đồng/người (trừ các đối tượng đã được hưởng mai táng phí theo quy định khác).

6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và thôn, khu dân cư do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; thôn, khu dân cư.

Đối với một số chức danh chưa giảm ngay theo lộ trình (số lượng công an viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc) trong tổng số mức khoán định mức kinh phí chi phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; thôn, khu dân cư, giao Sở Tài chính hướng dẫn việc chi trả cho các đối tượng này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ; Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ucl*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các đơn vị thuộc VPUBND tỉnh: KG-VX, KT, TH, Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC.Th(100b) *A*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái



Phụ lục I

Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, thị trấn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

- 1- Trưởng ban Tuyên giáo;
- 2- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 3- Trưởng khối Dân vận;
- 4- Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- 5- Phó Trưởng ban Tuyên giáo;
- 6- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 7- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra;
- 8- Phó trưởng Công an;
- 9- Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự;
- 10- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (01 người);
- 11- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên;
- 12- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- 13- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- 14- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- 15- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- 16- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- 17- Trưởng Đài Truyền thanh;
- 18- Phó trưởng Đài Truyền thanh;
- 19- Trưởng ban Thú y;
- 20- Phó Trưởng ban Thú y;
- 21- Công an viên làm nhiệm vụ thường trực ở xã (02 người).

Phụ lục II

Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở phường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND

ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

- 1- Trưởng ban Tuyên giáo;
- 2- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 3- Trưởng khối Dân vận;
- 4- Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- 5- Phó Trưởng ban Tuyên giáo;
- 6- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 7- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra;
- 8- Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự;
- 9- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (01 người);
- 10- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên;
- 11- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- 12- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- 13- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- 14- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- 15- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- 16- Trưởng Đài Truyền thanh;
- 17- Phó trưởng Đài Truyền thanh;
- 18- Trưởng ban Thú y;
- 19- Trưởng ban Bảo vệ dân phố;
- 20- Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố.



Phụ lục III

Các chức danh kiêm nhiệm ở cấp xã

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

- 1- Bí thư Đảng ủy kiêm Trưởng ban Tuyên giáo;
- 2- Phó Bí thư thường trực Đảng ủy phụ trách công tác tổ chức kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra và Trưởng khối Dân vận;
- 3- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc kiêm Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- 4- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra do những người hoạt động không chuyên trách kiêm;
- 5- Đối với cấp phó của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, mỗi chức danh chỉ bố trí 01 người; định hướng bố trí kiêm nhiệm các chức danh:
Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội này có thể kiêm Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội khác hoặc kiêm Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội người cao tuổi, Phó ban Tuyên giáo; Phó trưởng Đài Truyền thanh xã (nếu có chuyên môn phù hợp); có thể kiêm Bí thư chi bộ hoặc Trưởng, Phó thôn, khu dân cư;
- 6- Cán bộ, công chức cấp xã định hướng bố trí kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách cấp xã và thôn, khu dân cư.

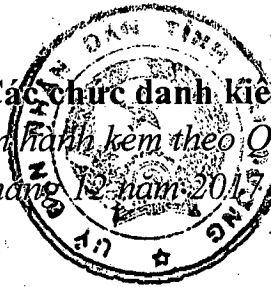
Phụ lục IV

Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu dân cư

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND

ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

- 1- Bí thư chi bộ;
- 2- Trưởng thôn, Trưởng khu dân cư;
- 3- Phó trưởng thôn, khu dân cư;
- 4- Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu dân cư;
- 5- Công an viên, Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố (đối với khu dân cư thuộc phường);
- 6- Thôn, khu đội trưởng;
- 7- Nhân viên Y tế thôn, khu dân cư.



Phụ lục V
Các chức danh kiêm nhiệm ở thôn, khu dân cư
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

- 1- Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, khu dân cư hoặc Trưởng Ban công tác Mặt trận;
- 2- Trưởng thôn, khu dân cư hoặc phó thôn, khu dân cư kiêm thôn đội trưởng...
- 3- Phó thôn, khu dân cư kiêm Công an viên hoặc Trưởng Ban công tác Mặt trận (trong trường hợp bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, khu dân cư);
- 4- Phó thôn, khu dân cư kiêm công an viên hoặc Tổ trưởng bảo vệ dân phố...

Phụ lục VI

Mức phụ cấp tính theo hệ số của mức lương cơ sở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND

ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

- 1- Mức phụ cấp 1,3 gồm: Phó Trưởng công an; Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, khu dân cư có trên 4.000 dân;
- 2- Mức phụ cấp 1,2 gồm: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự; Trưởng ban Thú y; Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, khu dân cư có từ 2.500 đến 4.000 dân;
- 3- Mức phụ cấp 1,1 gồm: Trưởng Đài Truyền thanh; Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, khu dân cư có từ 1.000 đến dưới 2.500 dân;
- 4- Mức phụ cấp 1,05 gồm: Công an viên ở thôn có trên 4.000 dân;
- 5- Mức phụ cấp 1,0 gồm: Công an viên làm nhiệm vụ thường trực ở xã, thị trấn; Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, khu dân cư có dưới 1.000 dân; Công an viên ở thôn có từ 2.500 đến 4.000 dân;
- 6- Mức phụ cấp 0,95 gồm: Công an viên ở thôn có từ 1.000 đến dưới 2.500 dân;
- 7- Mức phụ cấp 0,9 gồm: Phó trưởng Ban Thú y; Phó trưởng Đài Truyền thanh; Công an viên ở thôn có dưới 1.000 dân;
- 8- Mức phụ cấp 0,75 gồm: Trưởng ban Tuyên giáo; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng khối Dân vận;
- 9- Mức phụ cấp 0,7 gồm: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Phó Trưởng ban Tuyên giáo; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Phó trưởng thôn, khu dân cư, thôn, khu đội trưởng;
- 10- Mức phụ cấp 0,5 gồm: Trưởng ban Thanh tra nhân dân; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, khu dân cư;
- 11- Mức phụ cấp 0,35 gồm: Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố; Nhân viên y tế thôn, khu dân cư;

Riêng Nhân viên y tế thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ mức phụ cấp là 0,55./.